

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13-02-2025

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Bà Hoàng Thị Len

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Kyoto fu Kyoto shi yamashinaku kawata kakenoue B (Nhật Bản).

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Bích Đ**, sinh năm 1992

Đăng ký HKTT: Thôn V, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: S, higashiomi shi (521-1205) Taikoujichou 248 banchi 3 Corpofuji 3-A goushitsu (Nhật Bản).

(Anh D, chị Đ có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn, Bản tự khai; Nguyên đơn - anh Trần Văn D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: A và chị Trần Thị Bích Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã H), huyện Đ, tỉnh Thái Bình ngày 16/9/2013. Thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau lại càng nảy sinh mâu thuẫn. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên tháng 9/2019 anh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến tháng 3/2024, chị Đ cũng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Sau khi sang Nhật Bản, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, cách chăm sóc con cái, chi tiêu trong gia đình và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp với nhau. Chính vì cuộc sống vợ chồng xa cách nên vợ chồng anh không còn quan tâm, giữ liên lạc và nói chuyện với nhau nhiều nữa. Mặc dù anh và chị Đ cùng hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mục đích hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Bích Đ.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị Trần Thị Bích Đ có 01 con chung là cháu Trần Phương T, sinh ngày 28/3/2014. Hiện nay, cháu T đang sống cùng mẹ anh là bà Nguyễn Thị H. Ly hôn, anh đề nghị giao con chung là cháu Trần Phương T cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trước khi anh về Việt Nam, anh đề nghị Tòa án tạm giao cháu T cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh và chị Đ tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Anh và chị Trần Thị Bích Đ không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

** Tại bản tự khai; Bị đơn - chị Trần Thị Bích Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn chị Đ khai phù hợp với lời khai như của anh D đã trình bày. Nay anh D xin ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Trần Văn D có 01 con chung là cháu Trần Phương T, sinh ngày 28/3/2014. Hiện nay cháu T đang ở cùng mẹ đẻ anh D là bà Nguyễn Thị H. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh D đang ở Nhật Bản nên chị đồng ý việc anh D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H nuôi con T trong thời gian anh D lao động ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh D tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Chị và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

* *Tại Đơn đề nghị ngày 17/10/2024, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình trình bày:* Hiện nay, bà được biết con trai bà là Trần Văn D và con dâu bà là Trần Thị Bích Đ đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Bà được vợ chồng anh D thông báo về việc ly hôn. Nhận thấy gia đình không thể hàn gắn được tình cảm giữa hai vợ chồng anh D và chị Đ nên bà đồng ý cho anh D ly hôn chị Đ. Vợ chồng anh D, chị Đ có 01 con chung là cháu Trần Phương T, sinh ngày 28/3/2014. Hiện nay, cháu T đang ở cùng bà, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T (do trước khi đi Nhật Bản anh D đã nhờ bà chăm sóc cháu T). Trong thời gian ở cùng bà, cháu T phát triển rất tốt. Anh D đã đồng ý và nhờ bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T thay cho anh D. Vì vậy, trước khi anh D về Việt Nam thì bà đề nghị Tòa án tạm giao cháu T cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi nào anh D về Việt Nam bà sẽ giao cháu T cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, anh D, chị Đ tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Bên cạnh đó, trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T thay cho anh D thì bà không yêu cầu anh D, chị Đ cấp dưỡng nuôi cháu T, mọi chi phí nuôi dưỡng cháu T trong thời gian này sẽ do một mình bà chịu trách nhiệm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn D được ly hôn chị Trần Thị Bích Đ. Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Trần Phương T, sinh ngày 28/3/2014 cho anh Trần Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Phương T trong thời gian anh D ở nước ngoài. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng:** Nguyên đơn anh Trần Văn D và bị đơn chị Trần Thị Bích Đ ở nước ngoài (Nhật Bản), căn cứ vào khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Chị Đ, anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đ, anh D.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Văn D và chị Trần Thị Bích Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã H), huyện Đ, tỉnh Thái Bình được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Lời khai của anh D và chị Đ đều thể hiện mâu thuẫn giữa anh D và chị Đ là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, anh D xin ly hôn, chị Đ đồng ý. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh D và chị Đ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh D và chị Đ ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh D và chị Đ có 01 con chung là cháu Trần Phương T, sinh ngày 28/3/2014, hiện nay cháu T đang ở cùng mẹ anh D là bà Nguyễn Thị H, cháu T được chăm sóc rất tốt. Ly hôn, anh D và chị Đ thỏa thuận giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T có nguyện vọng được ở với bố và bà nội. Do anh D đang ở nước ngoài nên không trực tiếp nuôi con được, anh D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến khi anh D về Việt Nam, bà H nhất trí nên cần chấp nhận. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi cháu Trần Phương T, do anh D, chị Đ và bà H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn D và chị Trần Thị Bích Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn D được ly hôn chị Trần Thị Bích Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Phương T, sinh ngày 28/3/2014. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Phương T trong thời gian anh D lao động làm ăn ở nước ngoài.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng anh D nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000299 ngày 11 tháng 10 năm 2024 (do bà Trịnh Thanh T1 nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Trần Văn D, chị Trần Thị Bích Đ. Anh D và chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Bạch Đằng (nay là xã Hồng Bạch), h. Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phạm Ngọc Thành

